

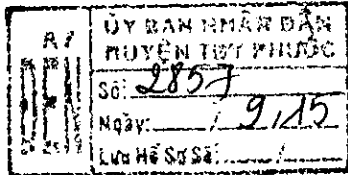
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 423/UBND-TH
V/v bố trí vốn đối ứng của
địa phương cho Dự án Cấp
nước và Vệ sinh tỉnh.

Bình Định, ngày 04 tháng 9 năm 2015

Kính gửi:



- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND huyện Hoài Nhơn;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND huyện Tây Sơn.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 51/BQLDA ngày 30/7/2015 về việc đề nghị bố trí vốn đối ứng của địa phương cho Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh. Hiện nay, các công trình/hợp đồng thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định đang hoàn thành và chuẩn bị nghiệm thu, đưa vào sử dụng đúng theo tiến độ dự kiến. Các hoạt động của Dự án sẽ kết thúc trong năm 2015.

Tuy nhiên, từ khi triển khai đến nay, việc tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình chủ yếu từ nguồn vốn viện trợ của Bỉ và một phần vốn đối ứng của tỉnh, phần vốn của các huyện bố trí còn rất ít, chủ yếu phục vụ giải phóng mặt bằng, do đó nhu cầu vốn đối ứng cho các công trình/hợp đồng của dự án trong thời gian đến là hết sức cấp thiết. Sau khi rà soát hồ sơ pháp lý của các công trình/hợp đồng và đối chiếu số liệu với các chủ đầu tư, tổng hợp nhu cầu vốn đối ứng của các công trình/hợp đồng của dự án như sau:

1. Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Hoài Nhơn

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh cho giai đoạn 1: 49.067.443.000 đồng, trong đó:

- + Vốn Bỉ : 23.423.400.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của tỉnh : 4.936.750.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của huyện : 2.115.750.000 đồng.
- + Phần còn lại do huyện bố trí: 18.591.543.000 đồng.
- Giải ngân đến 27/7/2015 : 28.960.255.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn Bỉ : 21.660.255.000 đồng.
 - + Vốn đối ứng của tỉnh : 1.520.000.000 đồng.
 - + Vốn do huyện bố trí : 5.780.000.000 đồng.

- 2
- Nhu cầu vốn đối ứng : 18.344.043.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn đối ứng của tỉnh : 3.416.750.000 đồng.
 - + Vốn do huyện bố trí : 14.927.293.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 2)

(Vốn do huyện bố trí bao gồm vốn đối ứng cho phần vốn Bỉ, kinh phí giải phóng mặt bằng và phần còn lại thuộc trách nhiệm của ngân sách huyện).

2. Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ

- Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 của UBND tỉnh cho giai đoạn 1: 46.206.354.000 đồng, trong đó:

- + Vốn Bỉ : 23.423.400.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của tỉnh : 4.936.750.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của huyện : 2.115.750.000 đồng.
- + Phần còn lại do huyện bố trí: 15.730.454.000 đồng.
- Giải ngân đến 27/7/2015 : 25.657.027.000 đồng, trong đó:
- + Vốn Bỉ : 21.452.169.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của tỉnh : 1.420.000.000 đồng.
- + Vốn do huyện bố trí : 2.784.858.000 đồng.
- Nhu cầu vốn đối ứng : 18.578.096.000 đồng, trong đó:
- + Vốn đối ứng của tỉnh : 3.516.750.000 đồng.
- + Vốn do huyện bố trí : 15.061.346.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 3)

(Vốn do huyện bố trí bao gồm vốn đối ứng cho phần vốn Bỉ, kinh phí giải phóng mặt bằng và phần còn lại thuộc trách nhiệm của ngân sách huyện).

3. Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Tây Sơn

- Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 của UBND tỉnh cho giai đoạn 1: 50.872.371.000 đồng, trong đó:

- + Vốn Bỉ : 23.423.400.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của tỉnh : 4.936.750.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của huyện : 2.115.750.000 đồng.
- + Phần còn lại do huyện bố trí: 20.396.471.000 đồng.
- Giải ngân đến 27/7/2015 : 22.330.076.000 đồng, trong đó:
- + Vốn Bỉ : 20.241.251.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của tỉnh : 1.420.000.000 đồng.
- + Vốn do huyện bố trí : 668.825.000 đồng.

	3	
- Nhu cầu vốn đối ứng	:	25.360.146.000 đồng, trong đó:
+ Vốn đối ứng của tỉnh	:	3.516.750.000 đồng.
+ Vốn do huyện bố trí	:	21.843.396.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 4)

(Vốn do huyện bố trí bao gồm vốn đối ứng cho phần vốn Bỉ, kinh phí giải phóng mặt bằng và phần còn lại thuộc trách nhiệm của ngân sách huyện).

4. Mua sắm xe chuyên dùng cho thị xã An Nhơn

Nhu cầu vốn đối ứng mua sắm các xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn: 2.204.193.000 đồng, trong đó:

+ Vốn đối ứng của tỉnh	:	1.055.654.000 đồng.
+ Vốn đối ứng của thị xã	:	1.148.539.000 đồng.

(Chi tiết theo mục 4 Phụ lục 1)

5. Hồ chứa nước Hóc Môn, huyện Phù Mỹ

Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Quyết định số 1205/QĐ-CTUBND ngày 10/5/2013 của UBND tỉnh : 36.114.378.000 đồng, trong đó:

+ Vốn Bỉ	:	22.609.252.000 đồng.
+ Vốn đối ứng của tỉnh	:	4.000.000.000 đồng.
+ Vốn đối ứng của huyện	:	1.800.000.000 đồng.
+ Phần còn lại do huyện bố trí:		7.705.126.000 đồng.
- Giải ngân đến 27/7/2015	:	18.619.440.000 đồng, trong đó:
+ Vốn Bỉ	:	16.439.182.000 đồng.
+ Vốn đối ứng của tỉnh	:	1.170.000.000 đồng.
+ Vốn do huyện bố trí	:	1.010.258.000 đồng.
- Nhu cầu vốn đối ứng	:	11.324.868.000 đồng, trong đó:
+ Vốn đối ứng tỉnh	:	2.830.000.000 đồng.
+ Vốn do huyện bố trí	:	8.494.868.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 5)

(Vốn do huyện bố trí bao gồm vốn đối ứng cho phần vốn Bỉ, kinh phí giải phóng mặt bằng và phần còn lại thuộc trách nhiệm của ngân sách huyện).

6. Công trình Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát (bao gồm giai đoạn mở rộng)

Tổng giá trị thực hiện (bao gồm cả giai đoạn mở rộng): 93.794.056.000 đồng, trong đó:

+ Vốn Bỉ	:	67.659.882.000 đồng.
----------	---	----------------------

	4
+ Vốn đối ứng của tỉnh	: 17.213.580.000 đồng.
+ Vốn đối ứng của huyện	: 8.920.594.000 đồng.
- Giải ngân đến 27/7/2015	: 89.019.191.000 đồng, trong đó:
+ Vốn Bỉ	: 66.753.391.000 đồng.
+ Vốn đối ứng của tỉnh	: 16.485.800.000 đồng.
+ Vốn do huyện bố trí	: 5.780.000.000 đồng.
- Nhu cầu vốn đối ứng	: 3.868.374.000 đồng, trong đó:
+ Vốn đối ứng tỉnh	: 727.780.000 đồng.
+ Huyện Phù Cát	: 3.051.478.000 đồng.
+ Huyện Tuy Phước	: <u>89.116.000 đồng.</u>

(Chi tiết theo Phụ lục 6)

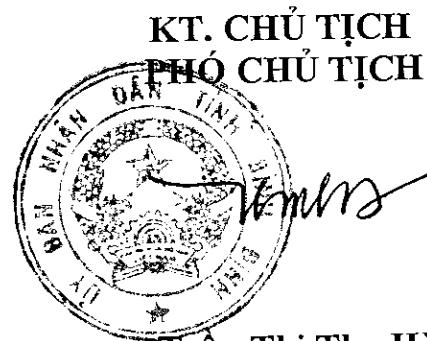
(Vốn do huyện bố trí bao gồm vốn đối ứng cho phần vốn Bỉ, kinh phí giải phóng mặt bằng và phần còn lại thuộc trách nhiệm của ngân sách huyện).

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, Tây Sơn và thị xã An Nhơn xem xét, chỉ đạo bố trí vốn đối ứng cho dự án và phần vốn do huyện, thị xã bố trí để giải ngân cho các khối lượng đã hoàn thành theo đúng nội dung hợp đồng đã ký, trước mắt các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Tây Sơn và thị xã An Nhơn bố trí ngay phần đối ứng mua sắm các xe chuyên dùng theo phân bổ để thanh toán hợp đồng (vì hợp đồng mua sắm không chấp nhận cho trả chậm).

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện Tây Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, Hoài Nhơn và Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Thị Thu Hà;
- BQL DA Cấp nước và VS tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (14b)



Trần Thị Thu Hà

Phụ lục 1: TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG CỦA TỈNH VÀ HUYỆN/THỊ XÃ
Các công trình thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định

Đvt: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC	TỔNG CỘNG	VỐN BỈ	VỐN ĐỐI ỨNG TỈNH	VỐN ĐỐI ỨNG HUYỆN	VỐN ĐỐI ỨNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG NGOÀI HIỆP ĐỊNH
1	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Hoài Nhơn					
-	Tổng mức đầu tư được duyệt	49.067.443	23.423.400	4.936.750	2.115.750	18.591.543
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	28.960.255	21.660.255	1.520.000	715.750	5.064.250
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	20.107.188	1.763.145	3.416.750	1.400.000	13.527.293
2	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ					
-	Tổng mức đầu tư được duyệt	46.206.354	23.423.400	4.936.750	2.115.750	15.730.000
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	25.657.027	21.452.169	1.420.000	715.750	2.069.000
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	20.549.327	1.971.231	3.516.750	1.400.000	13.661.346
3	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Tây Sơn					
-	Tổng mức đầu tư được duyệt	50.872.371	23.423.400	4.936.750	2.115.750	20.396.471
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	22.330.076	20.241.251	1.420.000	668.825	0
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	28.542.295	3.182.149	3.516.750	1.446.925	20.396.471
4	Mua sắm các xe chuyên dùng huyện An Nhơn					
-	Giá trị ký hợp đồng	2.204.193	0	1.055.654	0	1.148.539
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	0	0	0	0	0
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	2.204.193	0	1.055.654	0	1.148.539
5	Nâng cấp hồ chứa nước Hóc Môn					
-	Giá trị ký hợp đồng	36.114.378	22.609.252	4.000.000	1.800.000	7.705.126
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	18.619.440	16.439.182	1.170.000	1.010.258	0
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	17.494.938	6.170.070	2.830.000	789.742	7.705.126
6	Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát					



[Handwritten signature]

-	Giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu	90.703.022	65.608.534	16.485.800	8.608.688	0
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	87.874.334	65.608.534	16.485.800	5.780.000	0
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại*	2.828.688	0	0	2.828.688	0
7	Mở rộng mạng lưới phân phối nước sạch					
-	Tổng dự toán	3.091.034	2.051.348	727.780	311.906	0
-	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	1.144.857	1.144.857	0	0	0
-	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại*	1.946.177	906.491	727.780	311.906	0
TỔNG NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG				71.502.459		
PHÂN NGÂN SÁCH TỈNH				15.063.684		
PHÂN NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ				44.219.565		

* Nhu cầu vốn đối ứng còn lại của huyện Phù Cát là: 3.051.478.000 đồng và của huyện Tuy Phước là: 89.116.000 đồng.

Phụ lục 2: NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG CỦA TỈNH VÀ HUYỆN HOÀI NHƠN
Công trình: Xây dựng Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Hoài Nhơn
thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định

Đvt: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC	TỔNG CỘNG	VỐN BÌ (không bao gồm VAT)	THUẾ VAT PHẦN VỐN BÌ	VỐN ĐỐI ỨNG TỈNH	VỐN ĐỐI ỨNG HUYỆN	ĐỐI ỨNG CỦA ĐI A PHƯƠNG NGOẠI HIỆP ĐỊNH
1	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Hoài Nhơn						
a	Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 được phê duyệt tại QĐ 293/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh, trong đó chia ra:	49.067.443	21.294.000	2.129.400	4.936.750	2.115.750	18.591.543
-	Phần xây dựng	40.891.789	16.094.000	1.609.400	3.881.096	715.750	18.591.543
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	8.175.654	5.200.000	520.000	1.055.654	1.400.000	0
b	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	28.960.255	19.530.855	2.129.400	1.520.000	715.750	5.064.250
-	Phần xây dựng	21.630.855	14.330.855		1.520.000	715.750	5.064.250
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	5.200.000	5.200.000		0	0	0
c	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	20.107.188	1.763.145	0	3.416.750	1.400.000	13.527.293
-	Phần xây dựng	17.651.534	1.763.145	0	2.361.096	0	13.527.293
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	2.455.654	0	0	1.055.654	1.400.000	0

Phụ lục 3: NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG CỦA TỈNH VÀ HUYỆN PHÙ MỸ
Công trình: Xây dựng Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ
thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định

Đvt: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC	TỔNG CỘNG	VỐN BÌ (không bao gồm VAT)	THUẾ VAT PHẦN VỐN BÌ	VỐN ĐỐI ỨNG TỈNH	VỐN ĐỐI ỨNG HUYỆN	ĐỐI ỨNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG NGOÀI HIỆP ĐỊNH
1	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ						
a	Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 được phê duyệt tại QĐ 1989/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 của UBND tỉnh, trong đó chia ra:	<u>46.206.354</u>	<u>21.294.000</u>	<u>2.129.400</u>	<u>4.936.750</u>	<u>2.115.750</u>	<u>15.730.454</u>
-	Phần xây dựng	38.030.700	16.094.000	1.609.400	3.881.096	715.750	15.730.454
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	8.175.654	5.200.000	520.000	1.055.654	1.400.000	0
b	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	<u>25.657.027</u>	<u>19.322.769</u>	<u>2.129.400</u>	<u>1.420.000</u>	<u>715.750</u>	<u>2.069.108</u>
-	Phần xây dựng	18.327.627	14.122.769		1.420.000	715.750	2.069.108
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	5.200.000	5.200.000		0	0	0
c	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	<u>20.549.327</u>	<u>1.971.231</u>	<u>0</u>	<u>3.516.750</u>	<u>1.400.000</u>	<u>13.661.346</u>
-	Phần xây dựng	18.093.673	1.971.231	0	2.461.096	0	13.661.346
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	2.455.654	0	0	1.055.654	1.400.000	0

Phụ lục 4: NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG CỦA TỈNH VÀ HUYỆN TÂY SƠN
Công trình: Xây dựng Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Tây Sơn
thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định

Đvt: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC	TỔNG CỘNG	VỐN BÌ (không bao gồm VAT)	THUẾ VAT PHẦN VỐN BÌ	VỐN ĐỐI ỨNG TỈNH	VỐN ĐỐI ỨNG HUYỆN	ĐỐI ỨNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG NGOÀI HIỆP ĐỊNH
1	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Tây Sơn						
a	Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 được phê duyệt tại QĐ 1990/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 của UBND tỉnh, trong đó chia ra:	<u>50.872.371</u>	<u>21.294.000</u>	<u>2.129.400</u>	<u>4.936.750</u>	<u>2.115.750</u>	<u>20.396.471</u>
-	Phần xây dựng	42.696.717	16.094.000	1.609.400	3.881.096	715.750	20.396.471
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	8.175.654	5.200.000	520.000	1.055.654	1.400.000	0
b	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	<u>22.330.076</u>	<u>18.111.851</u>	<u>2.129.400</u>	<u>1.420.000</u>	<u>668.825</u>	<u>0</u>
-	Phần xây dựng	15.000.676	12.911.851		1.420.000	668.825	0
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	5.200.000	5.200.000		0	0	0
c	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	<u>28.542.295</u>	<u>3.182.149</u>	<u>0</u>	<u>3.516.750</u>	<u>1.446.925</u>	<u>20.396.471</u>
-	Phần xây dựng	26.086.641	3.182.149	0	2.461.096	46.925	20.396.471
-	Phần mua xe chuyên dùng xử lý chất thải rắn	2.455.654	0	0	1.055.654	1.400.000	0

ml

Phụ lục 5: NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG CỦA TỈNH VÀ HUYỆN PHÙ MỸ
Công trình: Nâng cấp hồ chứa nước Hóc Môn
thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định

Đvt: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC	TỔNG CỘNG	QUỸ VIỆT BÍ (không bao gồm VAT)	VỐN BÍ (không bao gồm VAT)	VỐN ĐỐI ỨNG TỈNH	VỐN ĐỐI ỨNG HUYỆN	ĐỐI ỨNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG NGOÀI HIỆP ĐỊNH
1	Nâng cấp hồ chứa nước Hóc Môn						
a	Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại QĐ 1205/QĐ-CTUBND ngày 10/5/2013 của UBND tỉnh	36.114.378	1.529.252	21.080.000	4.000.000	1.800.000	7.705.126
b	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	18.619.440	1.529.252	14.909.930	1.170.000	1.010.258	0
c	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	17.494.938	0	6.170.070	2.830.000	789.742	7.705.126

Handwritten mark

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG CỦA TỈNH VÀ HUYỆN PHÙ CÁT, TUY PHƯỚC

**Công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát
thuộc Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định**

Đvt: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC	TỔNG CỘNG	QUỸ VIỆT-BỈ (không bao gồm VAT)	VỐN BỈ (không bao gồm VAT)	VỐN ĐỐI ỨNG TỈNH	VỐN ĐỐI ỨNG HUYỆN		
						Tổng cộng	Phù Cát	Tuy Phước
1	Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát							
a	Tổng giá trị thực hiện	90.703.022	1.967.240	63.641.294	16.485.800	8.608.688	5.708.688	2.900.000
b	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	87.874.334	1.967.240	63.641.294	16.485.800	5.780.000	2.880.000	2.900.000
c	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	2.828.688	0	0	0	2.828.688	2.828.688	0
2	Mở rộng mạng lưới phân phối nước sạch Phù Cát							
a	Tổng giá trị thực hiện	3.091.034	0	2.051.348	727.780	311.906	222.790	89.116
b	Giá trị vốn đã giải ngân đến 27/7/2015	1.144.857	0	1.144.857	0	0	0	0
c	Nhu cầu vốn đối ứng còn lại	1.946.177	0	906.491	727.780	311.906	222.790	89.116